PHỤ LỤC

NHU CẦU GẠO CHO HỌC SINH THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ HỌC KÌ I (ĐỢT 2)

NĂM HỌC 2025 - 2026

Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Đăk Pék)

Số TT	Tên địa phương	Tổng số học sinh thuộc đối tượng hỗ trợ				Định mức hỗ trợ/học sinh (kg gạo)	Số tháng đề nghị hỗ trợ	Tổng số gạo được hỗ trợ (1000kg) (9)=(3)x(7)x(8)	Trong đó			Ghi chú
		Tổng số 3=4+5+6	Học sinh Tiểu học và THCS tại các trường PTDT bán trú, nội trú	Học sinh TH và THCS thuộc đối tượng bán trú ở khu vực điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn học ở trường khu vực III hoặc khu vực II	Học sinh THPT				Số gạo tồn kho năm học 2024-2025 đề nghị khấu trừ (1000kg)	Tổng số gạo đã hỗ trợ đợt 1 của Học kì I năm học 2025-2026 (theo QĐ 99/QĐ/UBND ngày 25/9/2025 của CT UBND tỉnh) (1000kg) (11)=(9)-(10)	Tổng số gạo đề nghị hỗ trợ đợt 2 của Học kì I năm học 2025-2026 (1000kg) (12)=(9)-(10)-(11)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=3x7x8*	*10*	*11*	*12*	*13*
Phần I	**UBND CẤP XÃ**											
51	**XÃ ĐĂK PÉK**	**471**	**-**	**471**	**-**	**15**	**5**	**35,430**	**-**	**14,130**	**21,300**	
	CẤP TIỂU HỌC										-	
	Trường Tiểu học Kim Đồng	55		55		15	5	4,125		1,260	2,865	
	Trường Tiểu học Kim Đồng	4		4		15	6	0,360		0,135	0,225	HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	3		3		15	5	0,225			0,225	
	Trường Tiểu học Lê Hồng Phong	98		98		15	5	7,350		3,3	4,050	
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	119		119		15	5	8,925		4,26	4,665	
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	3		3		15	6	0,270		0,405	-0,135	HSDTTS vào lớp 1 học TCTV
	CẤP THCS										0,000	
	Trường THCS Xã Đăk Pék	40		40		15	5	3,000		1,26	1,740	
	Trường THCS Chu Văn An	98		98		15	5	7,350		1,95	5,400	
	Trường TH&THCS Lý Tự Trọng	51		51		15	5	3,825		1,560	2,265	

Ghi chú: Học sinh dân tộc thiểu số (lớp 1) có học tăng cường tiếng việt trước khi vào lớp 1 nhận 6 tháng ở học kì I, các học sinh còn lại nhận 5 tháng ở học kì I